

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long
và các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009



Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng Nhận Đăng ký Kinh doanh

Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103003187 ngày 14 tháng 3 năm 2005 và giấy phép điều chỉnh lần thứ tư vào ngày 28 tháng 3 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Cô Gia Thọ	Chủ tịch
Ông Trần Kim Thành	Phó chủ tịch
Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên
Ông Huỳnh Văn Thiện	Thành viên
Bà Cô Ngân Bình	Thành viên
Bà Cô Cẩm Nguyệt	Thành viên
Ông Vương Lập Bình	Thành viên (đến ngày 18/4/2009)
Bà Trần Thái Như	Thành viên (từ ngày 19/4/2009)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Võ Văn Thành Nghĩa	Tổng Giám đốc
Ông Già Thanh Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đình Tâm	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Nhật Phương	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Văn Huống	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Lô 6-8-10-12
Đường 3, Khu Công nghiệp Tân Tạo
Phường Tân Tạo, Quận Bình Tân
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC VỀ TRÁCH NHIỆM TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho mỗi năm tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam ("CMKTVN"), phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"). Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và sau đó áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập các báo cáo tài chính hợp nhất theo giả định hoạt động liên tục trừ khi việc giả định Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động trong tương lai gần là không hợp lý.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm bảo đảm việc lưu giữ các sổ sách kế toán để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kết toán tuân thủ các yêu cầu của CMKTVN. Ban Tổng Giám đốc cũng có trách nhiệm về việc quản lý tài sản của Tập đoàn và do đó có trách nhiệm phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận họ tuân theo những yêu cầu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Tôi, Cô Gia Thọ, là Chủ tịch Hội đồng Quản trị và thay mặt Hội đồng Quản trị, phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm và các báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và kết quả hoạt động kinh doanh, và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.



Đại diện Hội đồng Quản trị

Cô Gia Thọ
Chủ tịch



KPMG Limited
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con

Phạm vi kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn") tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để có được sự đảm bảo hợp lý rằng báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và thuyết trình trong báo cáo tài chính. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và các ước tính trọng yếu của Ban Tổng Giám đốc, cũng như việc đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 09-01-490



Nguyễn Thanh Nghị

Chứng chỉ kiểm toán viên số 0304/KTV

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh

Chong Kwang Puay

Chứng chỉ kiểm toán viên số N0864/KTV

30 MAR 2010

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn	100		339.309.037	269.183.566
Tiền	110	3	49.724.587	41.156.524
Các khoản đầu tư ngắn hạn	120	4	10.852.000	801.200
Đầu tư ngắn hạn	121		13.366.411	1.347.690
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(2.514.411)	(546.490)
Các khoản phải thu	130	5	36.198.973	28.588.584
Phải thu thương mại	131		29.893.997	20.231.286
Trả trước cho người bán	132		5.715.853	5.371.106
Phải thu khác	135		2.386.293	2.986.192
Dự phòng phải thu khó đòi	139		(1.797.170)	-
Hàng tồn kho	140	6	235.455.102	182.899.199
Hàng tồn kho	141		241.222.549	183.136.448
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.767.447)	(237.249)
Tài sản ngắn hạn khác	150		7.078.375	15.738.059
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.121.955	1.131.381
Thuế phải thu từ Ngân sách Nhà nước	154	7	2.103.346	10.662.303
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.853.074	3.944.375
Tài sản dài hạn	200		263.469.149	269.723.304
Tài sản cố định	220		217.309.865	210.400.114
Tài sản cố định hữu hình	221	8	171.101.932	171.878.344
Nguyên giá	222		302.725.652	275.242.655
Khấu hao lũy kế	223		(131.623.720)	(103.364.311)
Tài sản cố định vô hình	227	9	23.653.932	23.619.704
Nguyên giá	228		27.268.787	26.519.474
Phân bổ lũy kế	229		(3.614.855)	(2.899.770)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	10	22.554.001	14.902.066

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
Đầu tư dài hạn	250	4	35.982.085	50.878.363
Đầu tư dài hạn khác	258		38.599.924	54.777.694
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(2.617.839)	(3.899.331)
Tài sản dài hạn khác	260		10.177.199	8.444.827
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	4.379.944	4.992.987
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	13	5.755.790	3.410.375
Tài sản dài hạn khác	268		41.465	41.465
TỔNG TÀI SẢN	270		602.778.186	538.906.870

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

Người đại diện

Arthur

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

Võ Văn Thành Nghĩa
Tổng Giám đốc

30 MAR 2010

6

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Tổng doanh thu	01	22	633.590.880	499.381.348
Các khoản giảm trừ	02	22	(8.230.518)	(14.884.571)
Doanh thu thuần	10		625.360.362	484.496.777
Giá vốn hàng bán	11		(390.295.381)	(292.017.590)
Lợi nhuận gộp	20		235.064.981	192.479.187
Doanh thu hoạt động tài chính	21	23	10.675.869	8.008.383
Chi phí hoạt động tài chính	22	24	(21.429.058)	(19.670.625)
Chi phí bán hàng	24		(85.967.235)	(61.685.305)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		(59.264.351)	(58.331.684)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		79.080.206	60.799.956
Kết quả từ các hoạt động khác	40			
Thu nhập khác	31	25	2.715.555	3.987.161
Chi phí khác	32	26	(2.772.140)	(1.990.629)
Lợi nhuận trước thuế	50		79.023.621	62.796.488
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	27	(30.339.217)	(23.593.888)
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	52	27	2.345.415	2.354.146
Lợi nhuận thuần	60		51.029.819	41.556.746

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Phân bổ cho:				
Lỗ thuần phân bổ cho cổ đông thiểu số	61		(7.591.014)	(5.392.299)
Lợi nhuận thuần phân bổ cho các chủ sở hữu của Công ty	62		58.620.833	46.949.045
Lãi trên cổ phiếu	70			
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		28	3.790	3.150

Người lập:



Giã Thanh Phong
 Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính



Người duyệt:



Võ Văn Thành Nghĩa
 Tổng Giám đốc

30 MAR 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Vốn cổ phần VNĐ'000	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ'000	Cổ phiếu quỹ VNĐ'000	Quỹ đầu tư phát triển VNĐ'000	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ'000	Lợi nhuận chứa phân phối VNĐ'000	Tổng vốn chủ sở hữu VNĐ'000	Quỹ khác VNĐ'000	Tổng VNĐ'000
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2008	120.000.000	-	-	4.921.355	1.640.452	15.704.981	142.266.788	5.892.676	148.159.464
Vốn cổ phần đã phát hành	35.000.000	130.654.353	-	-	-	-	165.654.353	-	165.654.353
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	46.949.045	46.949.045	-	46.949.045
Cổ phiếu quỹ mua vào trong năm	-	-	(599.400)	-	-	-	(599.400)	-	(599.400)
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	4.797.978	4.797.978	(14.161.156)	(4.565.200)	4.565.200	-
Cổ tức	-	-	-	-	-	(24.752.047)	(24.752.047)	-	(24.752.047)
Mua lại lợi ích của cổ đông thiểu số bởi Tập đoàn	-	-	-	-	-	(1.680.659)	(1.680.659)	-	(1.680.659)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(7.548.374)	(7.548.374)
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	155.000.000	130.654.353	(599.400)	9.719.333	6.438.430	22.060.164	323.272.880	2.909.502	326.182.382

(Số dư mang sang ở trang tiếp theo)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

	Vốn cổ phần VNĐ'000	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ'000	Cổ phiếu quỹ VNĐ'000	Quỹ đầu tư và phát triển VNĐ'000	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ'000	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ'000	Tổng vốn chủ sở hữu VNĐ'000	Quỹ khác VNĐ'000	Tổng cộng VNĐ'000
(Số dư mang sang từ trang trước)									
Số dư ngày 1 tháng 1 năm 2009	155.000.000	130.654.353	(599.400)	9.719.333	6.438.430	22.060.164	323.272.880	2.909.502	326.182.382
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	58.620.833	58.620.833	-	58.620.833
Cổ phiếu quỹ mua vào trong năm	-	-	(387.800)	-	-	-	(387.800)	-	(387.800)
Cổ phiếu quỹ tái phát hành trong năm (Thuyết minh 30)	-	100.000	800.000	-	-	-	900.000	-	900.000
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	2.347.452	2.347.452	(12.826.725)	(8.131.821)	8.131.821	-
Cổ tức (Thuyết minh 29)	-	-	-	-	-	(15.455.420)	(15.455.420)	-	(15.455.420)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	(8.182.870)	(8.182.870)

Số dư ngày 31 tháng 12 năm 2009

155.000.000	130.754.353	(187.200)	12.066.785	8.785.882	52.398.852	358.818.672	2.858.453	361.677.125
-------------	-------------	-----------	------------	-----------	------------	-------------	-----------	-------------

Người lập:

Giả Thanh Phong
Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính



Người duyệt:

Võ Văn Thành Nghĩa
Tổng Giám đốc

30 MAR 2010

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		79.023.621	62.796.488
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		32.462.286	28.820.165
Các khoản dự phòng	03		8.013.797	8.205.906
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(6.023.396)	(7.593.896)
Chi phí lãi vay	06		12.390.630	12.506.836
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		125.866.938	104.735.499
Biến động các khoản phải thu và tài sản ngắn hạn khác	09		(295.783)	48.306.057
Biến động hàng tồn kho	10		(58.086.101)	(81.940.347)
Biến động các khoản phải trả và nợ khác	11		22.378.645	(16.896.511)
Biến động chi phí trả trước	12		(990.574)	(53.389)
			88.873.125	54.151.309
Tiền lãi vay đã trả	13		(12.685.743)	(11.727.456)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(26.112.895)	(21.362.890)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(8.182.870)	(7.548.374)
Tiền thuần thu từ hoạt động kinh doanh	20		41.891.617	13.512.589

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(39.718.565)	(121.062.367)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định, tài sản giữ để bán và tài sản dài hạn khác	22		1.982.124	2.727.110
Tiền chi đầu tư vào các đơn vị khác	25		(12.057.676)	(17.425.384)
Tiền thu từ đầu tư vào các đơn vị khác	26		17.850.264	120.000
Tiền lãi và cổ tức thu được	27		3.905.786	7.092.514
Tiền thuần chi cho các hoạt động đầu tư	30		(28.038.067)	(128.548.127)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		900.000	182.358.353
Tiền chi cho cổ phiếu trả lại và mua lại cổ phiếu	32		(1.882.301)	(599.400)
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		287.269.080	188.443.571
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(276.116.846)	(191.022.854)
Tiền chi trả cổ tức	36		(15.455.420)	(34.352.047)
Tiền thuần (chi cho)/thu từ hoạt động tài chính	40		(5.285.487)	144.827.623

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành các báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

	Mã số	Thuyết minh	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		8.568.063	29.792.085
Tiền đầu năm	60		41.156.524	11.364.439
Tiền cuối năm	70	3	49.724.587	41.156.524

Người lập:



Giả Thanh Phong
 Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính



Người duyệt:



Võ Văn Thành Nghĩa
 Tổng Giám đốc

30 MAR 2010

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là "Tập đoàn"). Các hoạt động chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh văn phòng phẩm, dụng cụ trường học, dụng cụ giảng dạy bằng nhựa, đồ dùng gia dụng bằng nhựa, in ấn nhãn hiệu, in lụa và in ấn các loại bao bì và các sản phẩm. Các hoạt động chính của các công ty con được trình bày ở Thuyết minh 11.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Tập đoàn có 2.150 nhân viên (31/12/2008: 1.950 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính

(i) Cơ sở kế toán chung

Báo cáo tài chính hợp nhất trình bày bằng Đồng Việt Nam làm tròn tới hàng nghìn ("VNĐ'000"), được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các nguyên tắc kế toán phổ biến được chấp thuận tại Việt Nam. Công ty phát hành các báo cáo tài chính riêng.

Các báo cáo tài chính hợp nhất, ngoại trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

(ii) Cơ sở hợp nhất

Các công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền điều hành các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

(b) Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(c) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VNĐ trong năm được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 ("CMKTVN 10") – *Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái*.

Ngày 15 tháng 10 năm 2009, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 201/2009/TT-BTC hướng dẫn ghi nhận chênh lệch tỷ giá. Thông tư này yêu cầu các chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tài sản và nợ phải trả tiền tệ ngắn hạn có gốc ngoại tệ khác VNĐ được ghi nhận vào Tài khoản Chênh lệch Tỷ giá thuộc nguồn vốn chủ sở hữu, và các chênh lệch tỷ giá này sẽ được ghi đảo để xóa sổ vào đầu kỳ sau. Tập đoàn lựa chọn tiếp tục áp dụng CMKTVN 10 để ghi nhận chênh lệch tỷ giá. Nếu Tập đoàn áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC, không có ảnh hưởng trọng yếu nào đối với các báo cáo tài chính này.

(d) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

(e) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư vào tiền gửi có kỳ hạn, đầu tư nợ và đầu tư vốn chủ sở hữu và các đơn vị vào các công ty mà Tập đoàn không kiểm soát hoặc ảnh hưởng đáng kể được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Tổng Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời. Dự phòng được hoàn nhập nếu việc tăng giá trị có thể thu hồi sau đó có thể liên quan tới một sự kiện phát sinh sau khi khoản dự phòng này được lập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(f) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(g) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung đã được phân bổ. Giá trị có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(h) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí phân bổ trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được do việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà xưởng	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 12 năm
▪ thiết bị văn phòng	5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	6 – 10 năm
▪ khuôn mẫu	3 năm

Trong năm, Tập đoàn đã điều chỉnh thời gian hữu dụng của máy móc và thiết bị của Công ty Cổ phần Thiên Long Long Thành, một công ty con, để phản ánh chính xác hơn thời gian hữu dụng của các tài sản này. Ảnh hưởng đến khấu hao trong năm là làm giảm chi phí khấu hao 3.352 triệu VNĐ.

(i) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ phân bổ lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí phân bổ trực tiếp phát sinh liên quan tới việc bảo đảm quyền sử dụng đất. Phân bổ được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm trừ quyền sử dụng đất ổn định lâu dài thì không phải phân bổ.

(ii) Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được tính phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(iii) Quyền sáng chế

Quyền sáng chế mua lại từ các bên thứ ba được phản ánh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Chi phí ban đầu của quyền sáng chế bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Quyền sáng chế được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 5 năm.

(iv) Chi phí thiết kế trang web

Chi phí thiết kế trang web được phản ánh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Chi phí thiết kế trang web ban đầu bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại, và tất cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc thiết lập trang web. Chi phí thiết kế trang web được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

(j) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn phản ánh nguyên giá công cụ và dụng cụ có thời gian hữu dụng hơn một năm. Các công cụ và dụng cụ này ban đầu được phản ánh theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến ba năm tính từ ngày công cụ và dụng cụ này được đưa vào sử dụng.

(l) Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và các khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các nghĩa vụ về khoản nợ phải trả đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến có thể phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá hiện tại của thị trường về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán, cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả được dự kiến sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các khoản chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ hiện thực hóa được.

(o) Mua lại lợi ích cổ đông thiểu số

Chênh lệch giữa giá phí mua lại và giá trị phần sở hữu của cổ đông thiểu số đối với các tài sản và công nợ có thể nhận biết được ghi nhận ngay vào lợi nhuận chưa phân phối.

(p) Doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(q) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(r) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản cố định hữu hình đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản cố định này.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền chọn mua cổ phiếu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Ban Tổng Giám đốc của Tập đoàn cho rằng Tập đoàn hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm văn phòng phẩm và một bộ phận chia theo vùng địa lý trọng yếu là Việt Nam.

(u) Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông, các công ty con và các công ty liên kết của Tập đoàn.

(v) Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được trình bày trong các thuyết minh thích hợp của báo cáo tài chính.

3. Tiền

	31/12/2009 VND'000	31/12/2008 VND'000
Tiền mặt	329.300	426.912
Tiền gửi ngân hàng	49.395.287	40.729.612
Tiền trong bảng cân đối kế toán hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	49.724.587	41.156.524

Trong tiền tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 có số ngoại tệ khác VNĐ tương đương 662 triệu VNĐ (31/12/2008: 3.395 triệu VNĐ).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)****4. Các khoản đầu tư**

	31/12/2009 VND'000	31/12/2008 VND'000
Khoản đầu tư ngắn hạn vào:		
▪ chứng khoán vốn	13.366.411	1.347.690
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(2.514.411)	(546.490)
	<u>10.852.000</u>	<u>801.200</u>

	31/12/2009 VND'000	31/12/2008 VND'000
Khoản đầu tư dài hạn vào:		
▪ chứng khoán vốn	38.599.924	54.777.694
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(2.617.839)	(3.899.331)
	<u>35.982.085</u>	<u>50.878.363</u>

Biến động dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư trong năm như sau:

	Ngắn hạn		Dài hạn	
	2009	2008	2009	2008
	VND'000	VND'000	VND'000	VND'000
Số dư đầu năm	546.490	-	3.899.331	992.755
Tăng dự phòng trong năm	2.514.411	546.490	754.081	2.906.576
Hoàn nhập	(546.490)	-	(2.035.573)	-
	<u>2.514.411</u>	<u>546.490</u>	<u>2.617.839</u>	<u>3.899.331</u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, tất cả các khoản đầu tư dài hạn được thế chấp tại ngân hàng trong tổng số tài sản đảm bảo với giá trị tối thiểu 60.000 triệu VNĐ để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

5. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khác bao gồm:

	31/12/2009 VND'000	31/12/2008 VND'000
Phải thu chi phí giải tỏa đất được hoàn lại	-	2.867.180
Lãi tiền gửi phải thu	1.399.392	-
Tạm ứng cho nhân viên	800.000	-
Phải thu khác	186.901	119.012
	2.386.293	2.986.192

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện khoản dự phòng được trích lập trong năm.

6. Hàng tồn kho

	31/12/2009 VND'000	31/12/2008 VND'000
Hàng mua đang đi đường	26.396.420	5.926.548
Nguyên vật liệu	73.010.824	63.531.285
Công cụ và dụng cụ	178.538	211.051
Sản phẩm dở dang	10.416.813	14.933.400
Thành phẩm	100.795.204	84.663.409
Hàng hóa	30.424.750	13.870.755
	241.222.549	183.136.448
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.767.447)	(237.249)
	235.455.102	182.899.199

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	2009 VND'000	2008 VND'000
Số dư đầu năm	237.249	460.750
Dự phòng tăng trong năm	5.530.198	-
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(33.493)
Hoàn nhập	-	(190.008)
Số dư cuối năm	5.767.447	237.249

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, một phần nguyên vật liệu và thành phẩm của Tập đoàn nằm trong tổng số tài sản thế chấp với giá trị tối thiểu là 60.000 triệu VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn.

7. Thuế phải thu từ Ngân sách Nhà nước

	31/12/2009 VND'000	31/12/2008 VND'000
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	2.103.346	9.577.159
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.085.144
	2.103.346	10.662.303

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009 (tiếp theo)

8. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà xưởng VNĐ'000	Máy móc và thiết bị VNĐ'000	Thiết bị văn phòng VNĐ'000	Phương tiện vận chuyển VNĐ'000	Khuôn mẫu VNĐ'000	Tổng VNĐ'000
Số dư đầu năm	98.419.844	95.177.062	2.868.867	11.954.165	66.822.717	275.242.655
Tăng trong năm	341.429	14.345.491	652.258	989.411	2.146.946	18.475.535
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	4.047.776	-	-	6.500.150	10.547.926
Thanh lý	(857.794)	(42.169)	-	-	-	(899.963)
Xóa sổ	-	(318.626)	(39.646)	-	(282.229)	(640.501)
Số dư cuối năm	97.903.479	113.209.534	3.481.479	12.943.576	75.187.584	302.725.652
Khấu hao lũy kế						
Số dư đầu năm	6.917.188	38.392.073	1.783.571	6.765.451	49.506.028	103.364.311
Khấu hao trong năm	3.943.516	12.346.757	644.154	1.514.096	10.527.874	28.976.397
Thanh lý	(97.165)	(703)	-	-	-	(97.868)
Xóa sổ	-	(318.626)	(18.265)	-	(282.229)	(619.120)
Số dư cuối năm	10.763.539	50.419.501	2.409.460	8.279.547	59.751.673	131.623.720
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	91.502.656	56.784.989	1.085.296	5.188.714	17.316.689	171.878.344
Số dư cuối năm	87.139.940	62.790.033	1.072.019	4.664.029	15.435.911	171.101.932

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản với nguyên giá 66.801 triệu VNĐ đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (31/12/2008: 54.010 triệu VNĐ), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại là 41.161 triệu VNĐ (31/12/2008: 98.261 triệu VNĐ) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn.

9. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VNĐ'000	Phần mềm vi tính VNĐ'000	Quyền sáng chế VNĐ'000	Chi phí thiết kế trang web VNĐ'000	Tổng VNĐ'000
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	25.001.020	1.344.276	58.200	115.978	26.519.474
Tăng trong năm	-	749.313	-	-	749.313
Số dư cuối năm	25.001.020	2.093.589	58.200	115.978	27.268.787
Phân bổ lũy kế					
Số dư đầu năm	1.807.805	917.787	58.200	115.978	2.899.770
Phân bổ trong năm	329.421	385.664	-	-	715.085
Số dư cuối năm	2.137.226	1.303.451	58.200	115.978	3.614.855
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	23.193.215	426.489	-	-	23.619.704
Số dư cuối năm	22.863.794	790.138	-	-	23.653.932

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 174 triệu VNĐ đã được phân bổ hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 (31/12/2008: 174 triệu VNĐ), nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 tài sản cố định vô hình với giá trị còn lại là 22.863 triệu VNĐ (31/12/2008: 8.671 triệu VNĐ) được thế chấp với ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn và dài hạn của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

10. Xây dựng cơ bản dở dang

	2009 VND'000	2008 VND'000
Số dư đầu năm	14.902.066	12.730.857
Tăng trong năm	18.335.956	104.638.484
Xóa sổ	(136.095)	(1.239.612)
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(10.547.926)	(97.594.315)
Chuyển sang hàng tồn kho	-	(2.008.843)
Chuyển sang phải thu khác	-	(1.624.505)
Số dư cuối năm	22.554.001	14.902.066

11. Các công ty trong Tập đoàn

Bảng liệt kê chi tiết các công ty con của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2009:

Tên công ty con	Hoạt động chính	31/12/2009 % quyền sở hữu và biểu quyết	31/12/2008 % quyền sở hữu và biểu quyết
Công ty TNHH Một Thành Viên Dịch vụ và Thương mại Thiên Long Hoàn Cầu	Kinh doanh văn phòng phẩm	100%	100%
Công ty Cổ phần Thiên Long Long Thành	Sản xuất văn phòng phẩm	65%	65%
Công ty Cổ phần Thiên Long Miến Bắc	Không hoạt động và đang giải thể	51%	51%
Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực	Bán lẻ văn phòng phẩm và dụng cụ văn phòng	100%	-

Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Dịch vụ Tân Lực được thành lập vào ngày 19 tháng 11 năm 2009 và đang trong quá trình chuẩn bị hoạt động tại ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Ngày 2 tháng 2 năm 2010, quá trình giải thể của Công ty Cổ phần Thiên Long Miến Bắc chính thức hoàn tất bằng việc chấm dứt chính thức Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Số dư đầu năm	4.992.987	4.231.708
Tăng trong năm	2.157.761	4.948.892
Thanh lý	-	(320.000)
Phân bổ trong năm	(2.770.804)	(2.624.938)
Chuyển sang phải thu khác	-	(1.242.675)
Số dư cuối năm	4.379.944	4.992.987

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

(i) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
Dự phòng phải thu khó đòi	449.292	-
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.441.862	59.008
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	1.283.063	1.111.454
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	2.581.573	2.195.944
Các khoản khác	-	43.969
	5.755.790	3.410.375

(ii) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	31/12/2009		31/12/2008	
	Chênh lệch tạm thời VNĐ'000	Giá trị thuế VNĐ'000	Chênh lệch tạm thời VNĐ'000	Giá trị thuế VNĐ'000
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ	5.832.115	1.458.029	8.351.445	2.087.861
Lỗi tính thuế	30.688.985	4.472.781	10.771.824	2.692.956
	36.521.100	5.930.810	19.123.269	4.780.817

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

Lỗ tính thuế hết hạn trong các năm sau :

Năm hết hạn	Tình hình quyết toán thuế	Lỗ tính thuế VNĐ
2013	Chưa quyết toán	10.771.824
2014	Chưa quyết toán	19.917.161
		30.688.985

Các chênh lệch tạm thời không hết hạn theo các quy định thuế hiện hành. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận đối với các khoản mục này bởi vì Tập đoàn không chắc chắn sẽ có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng tài sản này.

14. Vay ngắn hạn

	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
Vay ngắn hạn	83.007.455	46.417.739
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18)	19.505.467	24.263.052
	102.512.922	70.680.791

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, vay ngắn hạn bao gồm các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng BIDV, Sacombank, ACB và HSBC với hạn mức tối đa lần lượt là 45.000 triệu VNĐ hoặc USD tương đương, 50.000 triệu VNĐ, 50.000 triệu VNĐ và 2 triệu USD hoặc VNĐ tương đương.

Các khoản vay bằng VNĐ hoặc USD từ Ngân hàng BIDV được bảo đảm bằng tài sản vô hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 6.191 triệu VNĐ (31/12/2008: 10.278 triệu VNĐ). Trong năm khoản vay chịu lãi suất năm từ 9% đến 12% (2008: 10,8% đến 15,6%). Khoản nợ gốc còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 15.525 triệu VNĐ (31/12/2008: 20.903 triệu VNĐ).

Khoản vay bằng VNĐ từ Sacombank được bảo đảm bằng tài sản cố định vô hình và hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 lần lượt là 2.480 triệu VNĐ (31/12/2008: Không) và 6.240 triệu VNĐ (31/12/2008: Không). Trong năm, khoản vay chịu lãi suất năm từ 9,96% đến 10,32% (2008: 12% đến 17%). Khoản nợ gốc còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 14.422 triệu VNĐ (31/12/2008: 13.125 triệu VNĐ).

Khoản vay bằng VNĐ từ Ngân hàng ACB được bảo đảm bằng chứng khoán (cổ phiếu phổ thông, chứng chỉ quỹ) và hàng tồn kho với tổng giá trị tối thiểu là 60.000 triệu VNĐ. Trong năm khoản vay chịu lãi suất năm từ 10,5% đến 12% (2008: Không). Khoản nợ gốc còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 27.306 triệu VNĐ (31/12/2008: Không).

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

Khoản vay bằng USD (hoặc VNĐ tương đương) từ Ngân hàng HSBC được bảo đảm bằng một phần nguyên vật liệu và thành phẩm với tổng giá trị tối thiểu là 60.000 triệu VNĐ. Khoản vay này bao gồm một khoản vay nhập khẩu, chịu lãi suất năm bằng lãi suất huy động vốn 1 tháng cộng 2% (2009: 4,28% đến 10,5%; 2008: 5,96% đến 8,19%). Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 25.754 triệu VNĐ (31/12/2008: 12.389 triệu VNĐ).

15. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
Thuế giá trị gia tăng	861.050	236.175
Thuế xuất nhập khẩu	802.707	853.015
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.665.588	6.439.266
Thuế thu nhập cá nhân	487.131	135.327
Thuế khác	795.774	696.392
	13.612.250	8.360.175

16. Chi phí phải trả

	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
Chi phí hỗ trợ phát triển	6.811.688	461.686
Phí tiếp thị	3.764.595	-
Phí kiểm toán	879.077	733.794
Tiền lãi vay	484.267	779.380
Tiền thưởng	1.848.879	1.084.559
Chi phí khác	355.974	353.702
	14.144.480	3.413.121

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

17. Phải trả khác

Phải trả khác bao gồm:

	31/12/2009 VND'000	31/12/2008 VND'000
Kinh phí công đoàn	895.984	638.557
Bảo hiểm xã hội	609.167	989.807
Bảo hiểm y tế	308.356	248.865
Phải trả khác	469.867	4.276.336
	2.283.374	6.153.565

18. Vay dài hạn

	31/12/2009 VND'000	31/12/2008 VND'000
Vay dài hạn		
Khoản vay 1 từ ngân hàng BIDV	-	3.725.532
Khoản vay 2 từ ngân hàng BIDV (a)	2.856.289	4.764.289
Khoản vay 1 từ Sacombank	-	6.842.168
Khoản vay 2 từ Sacombank (b)	53.248.460	67.056.942
Khoản vay từ ngân hàng ACB (c)	846.700	-
	56.951.449	82.388.931
Nợ dài hạn đến hạn trả		
Khoản vay 1 từ ngân hàng BIDV	-	3.725.532
Khoản vay 2 từ ngân hàng BIDV (a)	1.908.000	1.908.000
Khoản vay 1 từ Sacombank	-	1.866.060
Khoản vay 2 từ Sacombank (b)	17.385.787	16.763.460
Khoản vay từ ngân hàng ACB (c)	211.680	-
Phải trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 14)	19.505.467	24.263.052
Phải trả sau 12 tháng	37.445.982	58.125.879

- a. Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10.000 triệu VNĐ và chịu lãi suất năm bằng lãi suất tiền gửi kì hạn 12 tháng cộng 3,24% (2009: 10,5%; 2008: 11,05% đến 19,69%). Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 4.517 triệu VNĐ (31/12/2008: 8.446 triệu VNĐ). Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được hoàn trả trong 5 quý đều nhau, mỗi quý trả 477 triệu VNĐ và kỳ trả cuối cùng gồm số dư còn lại trong quý hai năm 2011.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)**

- b. Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định vô hình và hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 lần lượt là 14.192 triệu VNĐ và 29.098 triệu VNĐ (31/12/2008: tổng cộng là 67.852 triệu VNĐ) được đem thế chấp với bên cho vay. Trong năm, khoản vay này chịu lãi suất năm từ 10,5% đến 12,7% (2008: 11,4% đến 12,6%) và số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được hoàn trả trong 36 tháng đều nhau với số tiền phải trả mỗi tháng xấp xỉ 1.480 triệu VNĐ.
- c. Khoản vay này có hạn mức tối đa là 13.000 triệu VNĐ và chịu lãi suất năm bằng lãi suất tiền gửi kì hạn 13 tháng cộng 5,36% (2009: 12%). Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 là 1.306 triệu VNĐ. Số dư còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được hoàn trả trong 47 tháng đều nhau, với số tiền phải trả mỗi tháng xấp xỉ 18 triệu VNĐ.

19. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

	VNĐ'000
Số dư đầu năm	6.630.283
Dự phòng sử dụng trong năm	(939.321)
Số dư cuối năm	5.690.962

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên và 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

Cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009, Tập đoàn đã đóng 762 triệu VNĐ (2008: Không) vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp và khoản này được ghi nhận vào chi phí nhân công trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2009		31/12/2008	
	Số cổ phiếu	VND'000	Số cổ phiếu	VND'000
Vốn cổ phần được duyệt	15.500.000	155.000.000	15.500.000	155.000.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	15.500.000	155.000.000	15.500.000	155.000.000
Thặng dư vốn cổ phần				
Cổ phiếu phổ thông	-	130.754.353	-	130.654.353
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(9.360)	(187.200)	(29.970)	(599.400)
Số cổ phiếu hiện đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	15.490.640	285.567.153	15.470.030	285.054.953

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được tái phát hành.

Biến động cổ phiếu đang lưu hành trong năm như sau:

	2009		2008	
	Số cổ phiếu	VND'000	Số cổ phiếu	VND'000
Số dư đầu năm	15.470.030	285.054.953	12.000.000	120.000.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	3.500.000	165.000.000
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	(19.390)	(387.800)	(29.970)	(599.400)
Cổ phiếu quỹ tái phát hành trong năm	40.000	900.000	-	-
Số dư cuối năm	15.490.640	285.567.153	15.470.030	285.054.953

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

21. Các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính

Quỹ đầu tư phát triển và quỹ dự phòng tài chính được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Các quỹ này được lập nhằm mục đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong tương lai. Khi các quỹ này được sử dụng cho đích mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh, số tiền sử dụng được chuyển vào vốn cổ phần.

(ii) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông. Quỹ này được lập nhằm mục đích chi cho các phúc lợi và thưởng cho nhân viên.

22. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán được ghi trên hoá đơn không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

23. Doanh thu hoạt động tài chính

	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Thu nhập lãi tiền gửi	4.939.178	5.817.376
Lãi chênh lệch tỷ giá	1.033.229	795.249
Lãi từ đầu tư chứng khoán	2.121.399	1.395.138
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	2.582.063	-
Thu nhập tài chính khác	-	620
	10.675.869	8.008.383

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

24. Chi phí hoạt động tài chính

	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Chi phí lãi vay	12.390.630	12.506.836
Lỗ chênh lệch tỷ giá	5.617.939	3.576.529
Lỗ từ đầu tư chứng khoán	121.860	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn và dài hạn	3.268.492	3.453.066
Chi phí tài chính khác	30.137	134.194
	21.429.058	19.670.625

25. Thu nhập khác

	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Thu từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	98.737	381.382
Thu từ thanh lý tài sản giữ để bán	1.883.387	-
Thu từ bán phế liệu	104.986	434.549
Thu nhập khác	628.445	3.171.230
	2.715.555	3.987.161

26. Chi phí khác

	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình thanh lý	823.476	-
Giá trị còn lại của xây dựng cơ bản dở dang xóa sổ	136.095	1.239.612
Giá trị còn lại của tài sản giữ để bán đã thanh lý	1.740.593	-
Xóa sổ hàng phế liệu	21.346	701.884
Chi phí khác	50.630	49.133
	2.772.140	1.990.629

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

27. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2009 VND'000	2008 VND'000
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	28.970.877	23.593.888
Dự phòng thiếu trong các năm trước	1.368.340	-
	30.339.217	23.593.888
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(2.345.415)	(2.354.146)
	27.993.802	21.239.742

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2009 VND'000	2008 VND'000
Lợi nhuận trước thuế	79.023.621	62.796.488
Thuế theo thuế suất của Công ty	19.755.905	17.583.017
Ưu đãi thuế	(2.473.098)	-
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác nhau áp dụng cho các công ty con	3.470.716	137.326
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.813.446	3.419.195
Thu nhập không chịu thuế	(91.500)	(2.950.289)
Ảnh hưởng của tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận theo các mức thuế suất khác nhau	-	447.537
Ảnh hưởng của tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trước đây	(2.087.861)	-
Dự phòng thiếu trong các năm trước	1.368.340	-
	24.755.948	18.636.786
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	3.237.854	2.692.956
	27.993.802	21.329.742

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)****(c) Thuế suất áp dụng**

Công ty và mỗi công ty con có nghĩa vụ phải nộp cho nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp từ 15% đến 25% trên lợi nhuận chịu thuế. Một trong số các công ty con của Công ty được miễn thuế thu nhập trong ba năm tính từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế, và được giảm 50% thuế thu nhập trong bảy năm tiếp theo.

Tập đoàn cũng được miễn thuế đối với một số khoản đầu tư vào máy móc thiết bị và nhà xưởng.

28. Lãi trên cổ phiếu**(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông là 58.621 triệu VNĐ (2008: 46.949 triệu VNĐ) và số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành là 15.465.882 (2008: 14.906.677), được thực hiện như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông

	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	58.620.833	46.949.045

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành

	2009 Số cổ phiếu	2008 Số cổ phiếu
Cổ phiếu phổ thông phát hành đầu năm	15.470.030	12.000.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành	-	2.916.667
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ mua lại	(9.080)	(9.990)
Ảnh hưởng của số cổ phiếu quỹ tái phát hành	4.932	-
Số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2009	15.465.882	14.906.677

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2009 bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu vì hiện không có ảnh hưởng suy giảm tiềm tàng đối với cổ phiếu phổ thông.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Thiên Long và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009
(tiếp theo)

29. Cổ tức

Ngày 30 tháng 9 năm 2009, Hội đồng Quản trị của Công ty đã ra nghị quyết chi khoản cổ tức trị giá 15.455 triệu VNĐ.

30. Các hình thức chi trả bằng cổ phiếu

Trong năm, Công ty đã tái phát hành 20.000 cổ phiếu quỹ hạn chế chuyển nhượng với đơn giá chuyển nhượng 20.000 VNĐ và 20.000 cổ phiếu quỹ không hạn chế chuyển nhượng với đơn giá chuyển nhượng 25.000 mỗi cổ phiếu cho Tổng Giám đốc nhằm tạo sự gắn bó lâu dài với Tập đoàn.

Công ty không có các cam kết phát hành cổ phiếu nào khác cho các nhân viên.

31. Các cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2009 VNĐ'000	31/12/2008 VNĐ'000
Trong vòng một năm	2.148.043	3.190.477
Trong vòng hai đến năm năm	5.256.820	2.997.799
	7.404.863	6.188.276

32. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2009 VNĐ'000	2008 VNĐ'000
Chi phí nguyên vật liệu bao gồm trong chi phí sản xuất	299.666.683	284.128.030
Chi phí nhân công và nhân viên	95.214.455	74.462.841
Chi phí khấu hao và phân bổ	32.462.286	28.820.165
Chi phí dịch vụ mua ngoài	67.978.324	63.595.466
Chi phí khác	42.977.359	20.408.819

Người lập:



Giả Thanh Phong

Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính

Người duyệt:



Vũ Văn Thanh Nghĩa
Tổng Giám đốc